TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST Ngày 19/6/2024 V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và ông RChâm Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ksor H; địa chỉ: Làng B, xã I, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ksor T; địa chỉ: Làng B, xã I, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ksor H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ksor H và ông Ksor T có mối quan hệ vợ chồng, các bên đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào 28/11/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Ia D, huyện I, tỉnh G. Sau khi kết hôn, bà Ksor H và ông Ksor T chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống hằng ngày, ông Ksor T thường xuyên cùng bạn bè uống rượu, vui chơi nên không quan tâm, phụ giúp các công việc trong gia đình và trách nhiệm trong việc chăm sóc, giáo dục con. Bà Ksor H đã góp ý để sửa đổi nhưng ông Ksor T không nghe mà còn thường xuyên mắng chửi, xúc phạm bà Ksor H và bố, mẹ bà Ksor H nên đến đầu năm 2019, bà Ksor H đã chuyển về nhà mẹ ruột tại làng B 1, xã Ia Der, huyện I, tỉnh G d để sinh sống. Sau đó, gia đình hai bên cùng đại diện thôn, làng đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian thì ông Ksor T lại tiếp tục việc uống rượu, chưởi mắng

xúc phạm bà H. Từ khoảng tháng 3/2022 đến nay, bà Ksor H và ông Ksor T đã ly thân, giữa bà Ksor H và ông Ksor T không còn quan tâm, thương yêu lẫn nhau. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Ksor H được ly hôn với ông Ksor T.

- Về con chung: Bà Ksor H và ông Ksor T có 03 người con, gồm: Cháu Ksor H'T, sinh ngày 13/5/2016; cháu Ksor H'T, sinh ngày 22/7/2018 và cháu Ksor Đ, sinh ngày 02/7/2022. Hiện tại các con chung đều chưa thành niên và đang sinh sống cùng bà Ksor H'Tuy nên bà Ksor H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, yêu cầu ông Ksor T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/03 người con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn là ông Ksor T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến; không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Ksor H được ly hôn với ông Ksor T.Về con chung, giao cháu Ksor H'Tâm, sinh ngày 13/5/2016; cháu Ksor H'Trinh, sinh ngày 22/7/2018 và cháu Ksor Đạt, sinh ngày 02/7/2022 cho bà Ksor H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc ông Ksor T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/03 cháu. Bà Ksor H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Ksor T phải chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Ksor H và ông Ksor T xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, bà Ksor H muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Ksor T nên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại làng B, xã I, huyện I, tỉnh G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập

hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp, Hội đồng xét xử xác định: Bà Ksor H và ông Ksor T kết hôn vào ngày 28/11/2015 và chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Ksor T có lối sống phóng túng, thường chơi bời, nhậu nhẹt nên thiếu trách nhiệm trong việc quan tâm, chăm sóc vợ, con. Bà Ksor H có khuyên can nhưng ông T không tôn trọng mà còn có lời lẽ chửi mắng, xúc phạm nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Sau khi được gia đình và đại diện thôn, làng hòa giải, khắc phục mâu thuẫn ông T cam kết sẽ thay đổi nhưng không thực hiện, tiếp tục tái diễn việc uống rượu, chửi mắng bà H nên từ tháng 3 năm 2022 đến nay, bà H không còn chung sống với ông T mà đã chuyển về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Trong thời gian này, ông T không tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để được đoàn tụ, không liên lạc hỏi thăm, giúp đỡ bà H và các con trong cuộc sống, cho thấy ông T không còn tình cảm thương yêu, quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng.

Sau khi bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, Tòa án đã thông báo cho ông T nhưng ông T không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu về ly hôn. Từ đó cho thấy, giữa bà H và ông T đều không còn quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ksor H về việc ly hôn với ông Ksor T.

[2.2] Về con chung: Bà Ksor H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con là cháu Ksor H’T, sinh ngày 13/5/2016; cháu Ksor H’T, sinh ngày 22/7/2018 và cháu Ksor Đ, sinh ngày 02/7/2022. Bà Ksor H yêu cầu ông Ksor T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con với mức 2.000.000 đồng/tháng/03 người con.

Bà Ksor H trình bày, kể từ khi bà H và ông T không còn chung sống với nhau cho đến nay, các con đều sinh sống cùng với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đưa ra ý kiến, yêu cầu về nuôi con và cũng không phải đối với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu được nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về nuôi con sau khi ly hôn. Giao cháu Ksor H’Tâm, sinh ngày 13/5/2016; cháu Ksor H’Trinh, sinh ngày 22/7/2018 và cháu Ksor Đạt, sinh ngày 02/7/2022 cho bà Ksor H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[3] Bà Ksor H yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/03 người con. Ông Ksor T không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Ksor T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng với mức 2.000.000đ/tháng/03 người

con.

[4] Về án phí: Bà Ksor H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Ksor T phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ksor H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ksor H và ông Ksor T.

- Về con chung: Giao cho bà Ksor H'Tuy trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 người con là cháu Ksor H'T, sinh ngày 13/5/2016; cháu Ksor H'T, sinh ngày 22/7/2018 và và cháu Ksor Đ, sinh ngày 02/7/2022 cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Ksor T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng/03 người con. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Ksor H và ông Ksor T đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Ksor H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lsệ phí Tòa án số 0009092 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh G. Ông Ksor T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- UBND xã Ia D, huyện I, tỉnh G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vũ